

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ THU NHẬP CỦA CÁ NHÂN CƯ TRÚ KHI CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP



I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014 ("[Luật Thuế TNCN](#)");
- Văn bản hợp nhất số 68/VBHN-BTC ngày 19/12/2019 ("[Thông tư 111](#)");
- Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 ("[Luật Quản lý thuế](#)");
- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế ("[Nghị định 126](#)");
- Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ("[Nghị định 125](#)").

II. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT:

- Thu nhập chuyển nhượng vốn góp thuộc khoản thu nhập phải chịu thuế TNCN, cụ thể:** Thu nhập từ **chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn** (bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức khác¹.

- Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn²:**

- (i) Thu nhập tính thuế = Giá chuyển nhượng – (Giá mua + các chi phí liên quan).

Trong đó:

- **Giá chuyển nhượng** là số tiền mà cá nhân nhận được theo **hợp đồng chuyển nhượng vốn**;

(Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá thanh toán hoặc giá thanh toán trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.)

- **Giá mua** của phần vốn chuyển nhượng là trị giá phần vốn góp tại thời điểm chuyển nhượng vốn được xác định bằng tổng trị giá phần vốn góp ban đầu và các lần góp hoặc mua bổ sung;

¹ Điểm a, Khoản 4, Điều 2 VBHN 68;

² Điều 11 VBHN 68;

- **Các chi phí liên quan** được trừ là những chi phí hợp lý thực tế phát sinh liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn như (i) Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng; (ii) Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách khi làm thủ tục chuyển nhượng; và (iii) Các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng vốn.

(ii) Thuế suất: áp dụng theo Biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%.

(iii) Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%.

(iv) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế:

- Tại Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế TNCN quy định:

*“Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là **thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành** theo quy định của pháp luật.
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”*

- Tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư 111 quy định: *Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là **thời điểm hợp đồng chuyển nhượng vốn góp có hiệu lực**.*

⇒ Do đó, khi soạn Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cho Khách hàng nên ghi là “HỢP ĐỒNG CÓ HIỆU LỰC TẠI THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN HOÀN THÀNH”. Giấy tờ chứng minh giao dịch hoàn thành là phiếu chuyển tiền của bên Mua vào tài khoản của bên Bán, hoặc bút toán tiền mặt ...

3. **Kê khai thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn góp:**

(i) Kê khai thuế: khai thuế theo **khai theo từng lần phát sinh không phân biệt có hay không phát sinh thu nhập**³.

(ii) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ thời điểm xác định thu nhập tính thuế⁴.

(iii) Hồ sơ khai thuế⁵:

- Tờ khai thuế: Mẫu số 04/CNV-TNCN;
- Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng vốn;
- Bản sao tài liệu xác định trị giá vốn góp theo sổ sách kế toán, trường hợp vốn góp do mua lại thì phải có hợp đồng chuyển nhượng khi mua;
- Bản sao các chứng từ chứng minh chi phí liên quan đến việc xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp.

(iv) Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế: Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế nộp hồ sơ khai thuế tại **cơ quan thuế quản lý đơn vị phát hành**⁶ (Cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp có vốn góp chuyển nhượng).

³ Điểm a, Khoản 4, Điều 26 VBHN 68;

(v) **Hình thức nộp hồ sơ khai thuế:**

- Nộp trực tiếp tại cơ quan thuế; hoặc
- Gửi qua đường bưu chính; hoặc
- Gửi hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.

Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế; trường hợp hồ sơ không hợp pháp, không đầy đủ, không đúng mẫu quy định thì thông báo cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

4. Thời hạn nộp thuế: Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

5. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế⁷:

- (i) Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày và có tình tiết giảm nhẹ;
- (ii) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản (i) Điều này.
- (iii) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến 60 ngày.
- (iv) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 61 ngày đến 90 ngày;
 - b) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;
 - c) Không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;
 - d) Không nộp các phụ lục theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (v) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 143 Luật Quản lý thuế.

⁴ Khoản 3, Điều 44 Luật quản lý thuế;

⁵ Khoản 4, Điều 43 Luật quản lý thuế;

⁶ Điểm đ, Khoản 6, Điều 11, Nghị định 126;

⁷ Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP.

Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế nhưng không thấp hơn mức trung bình của khung phạt tiền quy định tại khoản (iv) Điều này.

(vi) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản i, ii, iii, iv và v Điều này trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế;
- b) Buộc nộp hồ sơ khai thuế, phụ lục kèm theo hồ sơ khai thuế đối với hành vi quy định tại điểm c, d khoản iv Điều này.

Văn bản này thuộc tài sản của FUJILAW, bất cứ sự sao chép nào không được phép của FUJILAW là xâm phạm đến lợi ích và vi phạm quyền sở hữu của FUJILAW./.

FUJILAW